

V/v Thư mời báo giá mua vật tư,
hóa chất xét nghiệm giai đoạn
2025-2027

THƯ MỜI THAM GIA BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Yên Thế có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Dự toán: “Mua sắm vật tư, hóa chất của máy xét nghiệm huyết học và máy xét nghiệm miễn dịch phục vụ chuyên môn của Trung tâm Y tế Yên Thế giai đoạn 2025-2027” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Yên Thế, Số 20, TDP Cả Trống, xã Yên Thế, tỉnh Bắc Ninh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

+ Đ/c Trần Ngọc Đại – Trưởng Khoa Dược – VT, TBYT

+ Điện thoại: 0915.320.262

+ Email: khoaduocbvyt@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: 02 bản dấu đỏ và 01 bản gửi qua thư điện tử.

- *Nhận trực tiếp hoặc nhận theo đường bưu điện gửi về địa chỉ:* Trung tâm Y tế Yên Thế, Số 20, TDP Cả Trống, xã Yên Thế, tỉnh Bắc Ninh.

- *Nhận qua email:* Hộp thư điện tử Khoa Dược – VT, TBYT của Trung tâm Y tế Yên Thế: khoaduocbvyt@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 10 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 19 tháng 7 năm 2025. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 19 tháng 7 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục mua sắm

Stt	Tên vật tư	Đặc tính thông số	Đơn vị tính	Số lượng
I	Vật tư, hóa chất máy xét nghiệm huyết học tự động, model: MEK-7300, hãng sản xuất: Nihonkohden, nước sản xuất: Nhật			
1	Dung dịch pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium chloride: 0,44%, Sodium sulphate anhydrous: 0,97 %	Lít	1800
2	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 4 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Muối Amoni bậc 4: 3,7%	mL	17500
3	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.5 đến 9.5 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium alkyl ether sulphate: 0,11 %	mL	12500
4	Hóa chất rửa máy	Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene tridecylether: 0,049%	Lít	20
5	Hóa chất rửa máy đậm đặc	Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium hypochlorite 1,3%	Lít	25
6	Chất chuẩn máy huyết học 3 mức (thấp - trung bình - cao)	Thuốc thử chẩn đoán bao gồm hồng cầu của người, bạch cầu mô phỏng, tiểu cầu của động vật có vú lơ lửng trong huyết tương như chất lỏng với chất bảo quản	mL	45

II

Vật tư, hóa chất máy xét nghiệm miễn dịch tự động, model: Access2, xuất xứ: Mỹ

7	Chất chuẩn Total T3	Hóa chất chuẩn phù hợp với hóa chất xét nghiệm Total T3	mL	96
8	Định lượng Total T3	Dùng cho xét nghiệm định lượng total T3. Dải đo $\leq 0,1$ ng/mL đến ≥ 8 ng/mL	Test	2000
9	Chất chuẩn AFP	Hóa chất chuẩn phù hợp với hóa chất xét nghiệm AFP	mL	35
10	Định lượng AFP	Dùng cho xét nghiệm định lượng AFP. Dải đo $\leq 0,5$ ng/mL đến ≥ 3000 ng/mL	Test	1000
11	Chất chuẩn Free T4	Hóa chất chuẩn phù hợp với hóa chất xét nghiệm Free T4	mL	60
12	Định lượng Free T4	Dùng cho xét nghiệm định lượng Free T4. Dải đo $\leq 0,25$ ng/dL đến $\geq 6,0$ ng/dL	Test	3600
13	Chất chuẩn CEA	Hóa chất chuẩn phù hợp với hóa chất xét nghiệm CEA	mL	30
14	Định lượng CEA	Dùng cho xét nghiệm định lượng CEA. Dải đo $\leq 0,1$ ng/mL đến ≥ 1000 ng/mL	Test	900
15	Chất chuẩn Total β hCG (5th IS)	Hóa chất chuẩn phù hợp với hóa chất xét nghiệm Total β hCG	mL	48
16	Định lượng total β hCG	Dùng cho xét nghiệm định lượng Total β hCG. Dải đo $\leq 0,5$ mIU/mL đến ≥ 1350 mIU/mL	Test	700
17	Định lượng Free T3	Dùng cho xét nghiệm định lượng Free T3. Dải đo $\leq 0,88$ pg/mL đến ≥ 30 pg/mL	Test	1800
18	Chất chuẩn Free T3	Hóa chất chuẩn phù hợp với hóa chất xét nghiệm Free T3	mL	60
19	Định lượng total PSA	Dùng cho xét nghiệm định lượng total PSA. Dải đo $\leq 0,008$ ng/mL đến ≥ 150 ng/mL	Test	800
20	Chất chuẩn total PSA	Hóa chất chuẩn phù hợp với hóa chất xét nghiệm total PSA	mL	30
21	Định lượng CA 125	Dùng cho xét nghiệm định lượng CA 125. Dải đo $\leq 0,5$ U/mL đến ≥ 5000 U/mL	Test	400
22	Chất chuẩn CA 125	Hóa chất chuẩn phù hợp với hóa chất xét nghiệm CA 125	mL	30
23	Định lượng hsTnI	Dùng cho xét nghiệm định lượng hsTnI. Dải đo $\leq 2,3$ pg/mL đến ≥ 27027 pg/mL	Test	5000
24	Chất chuẩn hsTnI	Hóa chất chuẩn phù hợp với hóa chất xét nghiệm hsTnI	mL	51
25	Định lượng TSH (3rd IS)	Dùng cho xét nghiệm định lượng TSH. Dải đo $\leq 0,005$ μ IU/mL đến $\geq 50,0$ μ IU/mL	Test	4000
26	Chất chuẩn TSH (3rd IS)	Hóa chất chuẩn phù hợp với hóa chất xét nghiệm TSH	mL	90

27	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u)	Dùng để kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1	mL	10
28	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u)	Dùng để kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3	mL	10
29	Dung dịch kiểm tra máy	Phosphatase kiềm, albumin huyết thanh bò (BSA), ProClin, natri azit	mL	96
30	Cơ chất phát quang	Cơ chất phát quang sử dụng trong xét nghiệm miễn dịch. Gồm tối thiểu dung dịch đệm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt	mL	7800
31	Dung dịch rửa dùng cho máy Access 2	Thành phần chính: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, natri azit, khối lượng phản ứng: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one và 2-methyl-4-isothiazolin-3-one (3:1)	mL	585000
32	Dung dịch kiềm rửa máy hàng ngày	Thành phần chính: KOH 1 – 5%	mL	1000
33	Dung dịch rửa máy hàng ngày	Thành phần chính: Acid hữu cơ	Bình	1
34	Cốc đựng mẫu dùng cho máy phân tích miễn dịch dòng Access	Cốc đựng mẫu dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch; Chất liệu: Polystyrene; Dung tích 2mL; Đáy hình nón	Chiếc	2000
35	Giếng phản ứng dùng cho máy Access 2	Giếng phản ứng sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch dòng Access; Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL	Chiếc	70560
36	Dây bơm to dùng cho máy miễn dịch	Đường kính trong 2.79mm, bằng cao su	Túi	4
37	Dây bơm nhỏ dùng cho máy miễn dịch	Đường kính trong 1.29mm, bằng cao su	Túi	4
38	Túi thải máy miễn dịch	Chất liệu: nhựa	Túi	8

Tính năng, thông số kỹ thuật của hàng hoá đề nghị mua sắm mà đơn vị đưa ra là tối thiểu. Các nhà thầu có thể chào hàng hoá có Tính năng, thông số kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn để phục vụ tốt công tác chuyên môn khám chữa bệnh.

2. Địa điểm cung cấp: Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản thiết bị y tế: Cung cấp hàng hóa, hướng dẫn sử dụng và bảo quản tại Trung tâm y tế Yên Thế tỉnh Bắc Giang.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 730 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Trung tâm sẽ thanh toán nhiều lần theo giá trị từng lần giao hàng sau khi hàng hóa được vận chuyển, nghiệm thu, bàn giao tại Trung tâm Y tế Yên Thế; Hoá đơn giá trị gia tăng (VAT), bên bán cung cấp đầy đủ các chứng từ thanh toán theo quy định của Nhà nước.

5. Các thông tin khác

- Báo giá có đầy đủ nội dung, mẫu biểu theo mẫu đính kèm trong yêu cầu báo giá.
- Nếu là báo giá trực tiếp của hãng sản xuất hàng hóa, nhà phân phối, cung cấp độc quyền tại Việt Nam đề nghị gửi kèm tài liệu chứng minh và phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tài liệu đã cung cấp.
- Bản báo giá/ biểu báo giá phải do đại diện hợp pháp của NCC ký tên và đóng dấu, đồng thời gửi kèm theo Đăng ký kinh doanh của đơn vị báo giá. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của NCC, kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Đề nghị các đơn vị quan tâm gửi báo giá trong thời gian tối đa 10 ngày kể từ ngày thông báo chào giá được đăng tải công khai trên Cổng thông tin của Trung tâm Y tế Yên Thế./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Doanh Phương

Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ

Kính gửi: TRUNG TÂM Y TẾ YÊN THẾ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế Yên Thế, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho Mua vật tư, hóa chất xét nghiệm như sau:

1. Báo giá cho các loại hóa chất, vật tư và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục thiết bị y tế	Tên thương mại	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng, nước sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1	Hàng hóa 1												
2	Hàng hóa 2												
3												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.